

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày 20.11.2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Phẩm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Duyên;

2. Ông Triệu Quang Trân.

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện VKSND huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2019, tại trụ Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 05/9/2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX- DS ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Tiến Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn SH, xã YĐ, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn SH, xã YĐ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lương Đình D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn NC, xã NC1, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; lời khai tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Anh Hoàng Tiến Q có đăng ký kinh doanh dịch vụ cho vay, cầm đồ, địa điểm kinh doanh tại thôn NK, xã YĐ, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 28/5/2018, anh Lương Đình D đến cửa hiệu vay tiền với số tiền, hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền, bên cho vay là Hoàng Tiến Q, bên vay là Lương Đình D, số tiền vay là 25.000.000đ, thời hạn vay kể từ ngày 28/5/2018 đến 28/6/2018 (01tháng), lãi suất là 20%/năm tính từ ngày nhận tiền vay, hợp đồng được hai bên cùng ký xác nhận.

Mặc dù hợp đồng cho vay là 01 tháng, nhưng từ khi nhận tiền vay cho đến nay anh D không trả lãi và gốc tiền vay theo hợp đồng. Đã nhiều lần, anh Q yêu

cầu anh D thanh toán nợ, nhưng anh D lẩn tránh, vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giải quyết, buộc anh Lương Đình D phải có trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay là 25.000.000đ cho anh Q. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu anh D phải trả nợ gốc là 25.000.000đ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu anh D trả đủ số gốc tiền vay là 25.000.000đ.

Tại bản tự khai; bị đơn anh Lương Đình D trình bày:

Ngày 28/6/2018 anh D có đến hiệu cho vay, cầm đồ của anh Hoàng Tiến Q vay tiền để trang trải công việc cá nhân với số tiền là 20.000.000đ. Khi giao nhận tiền, thì anh Q chỉ giao số tiền là 18.000.000đ, trừ luôn tiền lãi là 2.000.000đ. Lý giải về Hợp đồng vay tiền hai bên ký kết số tiền là vay là 25.000.000đ, thì anh D cho rằng khi viết giấy, anh D viết theo ý kiến của anh Q là ghi số tiền vay là 25.000.000đ, nhưng thực tế anh D chỉ công nhận số nợ là 20.000.000đ và đã trả lãi 2.000.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 26; 35; 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Tiến Q đối với bị đơn Lương Đình D. Buộc Lương Đình D có nghĩa vụ trả cho Hoàng Tiến Q số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Hoàng Tiến Q khởi kiện yêu cầu anh Lương Đình D trả số tiền nợ là 25.000.000đ theo Hợp đồng cho vay tiền được xác lập vào ngày 28/5/2018. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Ngày 26/9/2019, Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp có mặt bị đơn, nguyên đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy không tiến hành hòa giải được. Ngày 26/9/2019; ngày 02/10/2019 và ngày 10/10/2019 Tòa án đã tiếp tục ra Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn đều không có mặt theo Thông báo của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/11/2019, anh Lương Đình D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh D vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến phiên tòa theo quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng này được ký kết giữa bên cho vay là anh Hoàng Tiến Q, bên vay là anh Lương Đình D, số tiền vay là 25.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 28/5/2018 đến 28/6/2018, lãi suất 20%/năm. Hợp đồng được xác lập là do hai tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết bảo vệ quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại phiên tòa, người được nguyên đơn ủy quyền yêu cầu anh D phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Q số tiền gốc vay là 25.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay nợ giữa anh D với anh Q được lập hợp đồng cho vay tiền, thời hạn vay là từ ngày 28/6/2018 đến 28/7/2018 (01 tháng), nhưng từ đó đến nay, anh D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, quyền lợi của anh Q bị xâm phạm.

Tại Bản tự khai ngày 26/9/2019, anh D công nhận vào ngày 28/5/2018 anh D có đến cửa hàng cầm đồ của anh Q và ký kết Hợp đồng cho vay tiền, số tiền vay là 25.000.000đ, nhưng anh D cho rằng thực tế anh D chỉ nhận từ anh Q số tiền là 18.000.000đ và chỉ công nhận số nợ là 20.000.000đ, trong hợp đồng ghi số tiền vay 25.000.000đ là viết theo yêu cầu của anh Q, mặt khác trước đó anh Q có vay nợ anh D số tiền 10.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo trình tự pháp luật Tố tụng Dân sự, cũng không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án và cũng không có yêu cầu phản tố đối với anh Q, vì vậy không có cơ sở để xem xét. Căn cứ Điều 663 và Điều 466 Bộ luật Dân sự, xét thấy nguyên đơn Hoàng Tiến Q yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là 25.000.000đ là có cơ sở, xét thấy cần được chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu anh D phải trả tiền lãi đối với toàn bộ số nợ trên, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; 35; 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Tiến Q đối với bị đơn Lương Đình D. Buộc Lương Đình D có nghĩa vụ trả cho Hoàng Tiến Q số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí: Lương Đình D phải chịu 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Hoàng Tiến Q số tiền 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002039 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Việc thanh toán nợ được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự:

"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này".

Khoản 1 Điều 468 quy định: *" Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".*

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Lương Thị Phẩm

